

Bản án số: 245/2023/DS-PT

Ngày: 18-7-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp
thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 và 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị L: Luật sư Đoàn Thiện Đ, Văn phòng Luật sư Đoàn Thiện Đ, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Công T (chết ngày 04/5/2021):* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984 (vợ ông T).

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2.1. *Cháu Đặng Thu T, sinh năm 2004.*

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, cháu T: Ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 8F1 đường N, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022).

2.2. Cháu Đặng Thảo T2, sinh ngày 09/11/2010.

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Luật sư Mai Thanh T2, Công ty Luật TNHH M, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1960.

3.2. Ông Đặng Công Đ, sinh năm 1965.

3.3. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1973.

3.4. Ông Đặng Công H, sinh năm 1974 (chết ngày 04/11/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

3.4.1. Bà Đặng Thị Kim T3, sinh năm 1977 (vợ ông H).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà L2, bà N, ông B, bà T3: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3.4.2. Cháu Đặng Thị Tuyết N1, sinh năm 2009.

3.4.3. Cháu Đặng Thị Thu H, sinh năm 2011.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3.4.4. Chị Đặng Thị Tuyết N2, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

5. Ông Đặng Công C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

6. Cháu Đặng Thu T, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

7. Cháu Đặng Thảo T2, sinh ngày 09/11/2010.

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T1: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số C ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

8. Ông Trương Thanh B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

9. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Ấp Bình Thạnh, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/8/2022, 20/4/2022 và những lời trình của nguyên đơn bà Đặng Thị L trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm như sau:

Nguồn gốc 03 thửa đất số 427, 428 và 132 là đất hương hỏa do ông cố, bà cố của bà L tên Đặng Phước C1 và Đặng Thị H để lại cho ông, bà nội của bà L tên Đặng Công Nở và Nguyễn Thị Lờ. Sau đó ông, bà nội của bà L cho lại ba của bà L là ông Đặng Công T4. Đến ngày 17/4/1976, ông T4 chết nhưng không để lại di chúc, do đó các thửa đất này không phải là tài sản riêng của vợ ông T4 (mẹ của bà L) tên Hồ Thị N3, mà 03 thửa đất này là tài sản chung của hộ gia đình bà Hồ Thị N3. Bà N3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 00122/QSĐĐ/0902-LA, ngày 07/4/2003 gồm các thửa đất 227, 254, 257, 265, 266, 271, 272, 280, 281 với diện tích là 10.574m² (trong đó có 03 thửa đất theo hệ tọa độ mới là 427, 428 và 132).

Năm 2008 bà Hồ Thị N3 làm hợp đồng tặng cho ông Đặng Công T các thửa đất gồm:

- Thửa 331 (tách từ thửa 266), tờ bản đồ số 03, diện tích 731m², loại đất lúa, nay là thửa 428 diện tích 786,5m².

- Thửa 254, tờ bản đồ số 03, diện tích 834m², loại đất thổ, nay là thửa 427 diện tích 928,2m².

- Thửa 309 (tách từ thửa 227pcl), tờ bản đồ số 03, diện tích 1.810m², loại đất lúa, nay là thửa 132 diện tích 1.944m².

Cả 03 thửa đất đều tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Khi bà N3 ký hợp đồng tặng cho ông T thì bà N3 chỉ ký để tạm thời cho ông T đứng tên vì ngoài việc là đất hương hỏa thì các thửa đất này còn dùng để thờ cúng ông, bà và sau này mang hài cốt của gia tộc về cải táng; đồng thời khi mẹ bà cho đất ông T thì có yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ phụng dưỡng mẹ nhưng ông T và vợ ông T là bà Đ không thực hiện nghĩa vụ này. Ngoài ra khi ông T còn sống thì bà Đ vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, có quan hệ tình cảm với người khác và bà Đ còn đánh mẹ chồng.

Bà N3 không có quyền tặng cho các thửa đất này khi chưa có sự đồng ý của những người trong hộ cùng đồng quyền sử dụng đất. Do bà N3 đã chết (năm 2018) nên nay bà L yêu cầu Tòa án:

- Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị N3 với ông Đặng Công T đối với các thửa đất số 254 (nay là thửa 427), thửa 309 (nay là thửa 132) và thửa 311 (nay là thửa 428) do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 108, quyển số 01/TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 14/6/2008 vì việc tặng cho này là trái với quy định của pháp luật.

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ đã cấp cho ông T gồm các thửa đất số 427, 428 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 132 tờ bản đồ số 3.

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ và các đồng thừa kế của ông T là cháu Đặng Thu T, Đặng Thảo T2 trả 03 thửa đất số 427, 428 và 132 để cấp lại cho những người đồng thừa kế của bà Hồ Thị N3 làm nơi thờ tự và hương hỏa cho ông, bà dòng họ. Bà L và những đồng thừa kế sẽ trả cho bà Đ, cháu T, cháu T1 1/6 giá trị các thửa đất.

Đối với thửa đất số 253, diện tích 776,7m², loại đất LUC thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An hiện bà Hồ Thị N3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L xin rút lại việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này.

2. Ông Phạm Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Đặng Thu T trình bày:

Năm 2008 ông Đặng Công T được bà Hồ Thị N3 tặng cho 03 thửa đất số 427, 428 và 132 bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực ngày 14/6/2008. Trong nội dung của hợp đồng tặng cho không có điều kiện là ông T phải thờ cúng ông, bà hay chăm sóc mẹ như bà L trình bày, các thửa đất này cũng không phải là đất hương hỏa. Ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất nêu trên. Hiện nay ông T đã chết nên vợ của ông T là bà Nguyễn Thị Đ và 02 con của bà Đ, ông T là Đặng Thu T và Đặng Thảo T2 sẽ là người được quyền thừa kế 03 thửa đất này.

Nay ông đại diện theo ủy quyền của bà Đ và cháu T, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, trước đây ông Đặng Công T có yêu cầu phản tố, cụ thể yêu cầu: Bà Đặng Thị L chia 1/7 giá trị thửa đất số 308, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.571m²; ông Đặng Công H chia 1/7 giá trị các thửa đất số 272, 267 và 253, tờ bản đồ số 03, tổng diện tích 1.878m²; ông Đặng Công Đ chia 1/7 giá trị các thửa đất số 261, 265, 271, 281, 310, 266, tờ bản đồ số 03, tổng diện tích 4.085m². Tuy nhiên nay bà Đ và cháu T xin rút lại yêu cầu phản tố này. Đối với thửa đất số 253 tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An hiện nay bà N3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đ và cháu T cũng không có tranh chấp trong vụ án này.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị L là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H: Thống nhất với ý kiến trình bày nêu trên của bà L, không có yêu cầu gì khác.

3.2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An có đơn xin vắng mặt nhưng xác định việc chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2008 giữa bà N3 và ông T là đúng quy định.

3.3. Ông Đặng Công C: Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 thì ông Chiến trình bày không có tranh chấp gì đối với 04 thửa đất số 427, 428, 132 và 253, đồng thời xin vắng mặt trong vụ án (B1 242).

3.4. Ông Trương Thanh B, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư Đoàn Thiện Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị L trình bày: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 07/4/2003 thì các thửa đất này cấp cho hộ bà Hồ Thị N3, việc bà N3 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T là không đúng vì chưa có sự đồng ý của các thành viên khác trong gia đình. Hơn nữa, bà L là người trực tiếp canh tác và đóng thuế quyền sử dụng đất từ trước khi ông T cưới vợ cho đến nay. Do đó đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị N3 với ông Đặng Công T vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Hồ Thị N3 chứ không phải cá nhân bà N3. Tại công văn số 743/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 22/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cho rằng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N3 đã bị thất lạc nhưng sau đó tại Công văn số 873/CV-CNVPĐKĐĐ, ngày 22/9/2022 lại xác định các thửa đất này được cấp lần đầu cho bà N3 từ năm 1997 là có sự mâu thuẫn, không minh bạch trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để làm rõ vấn đề này, khi Tòa án xét xử lại đề nghị Tòa án:

Tuyên hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-ADBPKCTT, ngày 04/4/2022 về việc “Cấm thay đổi hiện trạng thửa đất số 427” vì việc áp dụng này là sai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao do bà Đ chỉ nộp 15.000.000 đồng tài sản đảm bảo là chưa đủ 20% giá trị tài sản tranh chấp của các thửa đất (1.700.000.000 đồng).

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị N3 với ông Đặng Công T. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông T gồm các thửa đất số 427, 428 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 132 tờ bản đồ số 3. Chia thừa kế 03 thửa đất nêu trên thành 06 phần bằng nhau (do ông Chiến từ chối nhận) nhưng do bà Đ là dâu nên không thể giữ đất, vì vậy bà N, bà L, ông Đ, ông H, bà L2 sẽ là người sử dụng đất và sẽ cùng liên đới trả cho bà Đ, cháu T, cháu T1 giá trị 1/6 của 03 thửa đất này.

Luật sư Mai Thanh T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Trong các căn cứ xác định nguồn gốc đất do nguyên đơn cung cấp thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chính quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà, cha, mẹ (bên chồng) của bà N3 từ trước năm 1997. Căn cứ vào Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và các quy định của Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn xử lý các vụ án thừa kế, đề nghị Hội đồng xét xử xác định các phần đất này không phải là tài sản do ông Đặng Công T4 (chồng bà N3) chết để lại. Mà trên thực tế vào năm 1997, bà N3 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất này và là người trực tiếp canh tác sử dụng đất, đến năm 2003 được cấp đổi theo bản đồ mới và đến năm 2008 đã ký hợp đồng tặng cho ông T 03 thửa đất này. Ngoài ra, cùng thời điểm năm 2008 bà N3 cũng tặng cho những người con khác gồm bà Đặng Thị L, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H tổng cộng diện tích khoảng 7.000m² đất. Tại hợp đồng tặng cho đất giữa bà N3 và ông Đ còn thể hiện đất của bà N3 được cấp từ năm 1997. Đồng thời theo công văn số 873/CV-CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T

xác định năm 1997 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cấp cho cá nhân bà Hồ Thị N3, do đó bà N3 có quyền tặng cho ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện T tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 20/10/2022 của Tòa án nhân huyện T đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 217, 218, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị N3 với ông Đặng Công T do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 108, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 14/6/2008 đối với các thửa đất số 254 (nay là thửa 427), tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 928,2m²; thửa 331 (nay là thửa 428), tờ bản đồ số 4, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 665,9m² và thửa 309 (nay là thửa 132), tờ bản đồ số 03, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 1.938m². Cả 03 thửa đất đều tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 về buộc những người thừa kế của ông Đặng Công T (đã chết) là bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 chia thừa kế 03 thửa đất số đất số 427, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 928,2m²; thửa 428, tờ bản đồ số 4, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 665,9m² và thửa đất số 132, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 1.938m². Cả 03 thửa đất đều tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Buộc những người thừa kế của ông Đặng Công T (đã chết) là bà Nguyễn Thị Đ, Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 giao phần đất thuộc 01 phần thửa đất số 427, diện tích 232,3m² cho bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1.

Bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

(Phần đất diện tích 232,3m² nêu trên thuộc một phần thửa đất số 427 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Vị trí và tứ cận phần đất được thể hiện theo mảnh trích đo địa chính số 98-2022 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ký duyệt ngày 29/9/2022).

Buộc bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 giá trị quyền sử dụng đất là 65.004.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tính trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp”.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đặng Thị L phải chịu 11.090.800 đồng, bà L đã nộp tạm ứng 8.090.800 đồng, buộc bà Đặng Thị L hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tính trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Thị L, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 liên đới chịu 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 6.000.000 đồng (khấu trừ 650.000 đồng) theo biên lai số 7177 ngày 25/12/2019; bà L2 đã nộp 4.114.000 đồng (khấu trừ 650.000 đồng) theo biên lai số 6215, ngày 05/10/2022 và ông H đã nộp 4.114.000 đồng (khấu trừ 650.000 đồng) theo biên lai số 6214 ngày 05/10/2022; tất cả các biên lai đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Hoàn trả số tiền chênh lệch còn thừa cho bà Đặng Thị L là 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bà Đặng Thị L1 là 3.464.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), ông Đặng Công H là 3.464.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 số tiền tạm ứng án phí ông Đặng Công T đã nộp là 5.650.000 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 4460 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án dân sự.

Ngày 01/11/2022, nguyên đơn bà Đặng Thị L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 02/11/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Các ông bà L, L2, H, N, Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Đoàn Thiện Đ trình bày yêu cầu kháng cáo của bà L, bà L2, ông H, bà N, ông Đ: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

1. Vi phạm về thẩm quyền xét xử: Trong vụ án này, bà L có yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Đặng Công T đối với các thửa 427, 428 và 132, thẩm quyền hủy quyết định cá biệt thuộc về Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhưng Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền.

2. Văn bản xác nhận số 743 ngày 22/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện T cho rằng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hồ Thị N3 năm 2003 đã bị thất lạc không thể cung cấp nhưng sau đó tại Công văn số 873/CN-VPĐKĐĐ xác định thửa đất này được cấp lần đầu cho bà N3 từ năm 1997 là mâu thuẫn, không minh bạch trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ.

3. Ông Đặng Công H bị bệnh tâm thần từ năm 2019, vì vậy việc ông H ủy quyền cho bà L là không hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn cử người giám hộ hoặc hướng dẫn nguyên đơn làm đơn yêu cầu tuyên bố ông H mất năng lực hành vi dân sự là vi phạm thủ tục tố tụng.

4. Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng do Văn phòng công chứng Nguyễn Long An chứng nhận ngày 16/3/2021 thể hiện ông Đặng Công T không biết chữ, không biết đọc nhưng các hợp đồng, tài liệu do phía bị đơn cung cấp có chữ ký của ông T, ai là người làm giả chữ ký của ông T Tòa án chưa làm rõ.

Với những vi phạm trên của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T thụ lý xét xử lại vụ án.

- Bà Đặng Thị L thống nhất với ý kiến của Luật sư Đoàn Thiện Đ, không bổ sung gì thêm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An giữ nguyên kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 155/QĐ-VKS ngày 17/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

- Ông Phạm Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T không đồng ý toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà L, bà L2, ông H, bà N, ông Đ do bà Đặng Thị L là người đại diện theo ủy quyền vì năm 2008 bà Hồ Thị N3 đã tặng cho ông Đặng Công T các thửa đất 427, 428, 132 hợp lệ. Cùng thời điểm đó bà N3 cũng tặng cho đất các người con khác là bà Đặng Thị L, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H. Ông T và vợ sử dụng đất ổn định đến năm 2019 nguyên đơn mới phát sinh tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L, bà L2, ông H, bà N, ông Đ; giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Công C (ông Chiên là con trai của bà Hồ Thị N3 và là anh ruột của bà Đặng Thị L, ông Đặng Công T) trình

bày: Năm 2008 mẹ ông là bà Hồ Thị N3 tặng cho 03 thửa đất cho ông T. Ngoài ra còn tặng cho một số anh chị em khác của ông như bà L, ông Đ, ông H; ông được tặng cho trước. Nay ông T đã chết thì tài sản của ông T thuộc về các con của ông T.

Luật sư Mai Thanh T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Các yêu cầu và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, bởi vì: Ông T nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bà N3, không phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không cần phải xem xét việc tuyên hủy hay không tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan chuyên môn sẽ điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án. Ông T đọc chữ và ký họ tên được, việc bà N3 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T đã được thực hiện theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định và ông T cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 và quản lý, sử dụng đất ổn định đến năm 2019 thì bà L mới phát sinh tranh chấp. Đối với việc ông H bị bệnh tâm thần hay không thì thủ tục ủy quyền là do phía bà L cung cấp cho Tòa án hợp lệ nên Luật sư của nguyên đơn đưa ra các lý do trên để yêu cầu hủy án là không có căn cứ. Tại phiên tòa có mặt ông Đặng Công C là con của bà N3 và là anh ruột của bà L và ông T trình bày: Năm 2008, ông Chiên biết việc mẹ ông là bà N3 tặng cho 03 thửa đất các nguyên đơn đang tranh chấp cho ông T. Ông Chiên cũng đã được cha mẹ cho đất trước năm 2008. Nay ông T chết thì tài sản của ông T thuộc về con các ông T là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Bà Đặng Thị Đủ thống nhất với ý kiến của Luật sư Mai Thanh T2, không bổ sung gì thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà L, bà N, ông Đ, bà L2, ông H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:

Nhận thấy bà Đặng Thị L yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị N3 với ông Đặng Công T và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông T; buộc bà Nguyễn Thị Đ và các đồng thừa kế của ông T là cháu Đặng Thu T, Đặng Thảo T2 trả 03 thửa đất số 427, 428 và 132 Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp yêu cầu khởi kiện trên của bà L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tuy nhiên đối với các yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 253 tờ bản đồ số 4

ấp N xã N, huyện T, tỉnh Long An; ông Đặng Công T có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Đặng Thị L chia thừa kế 1/7 giá trị thửa đất số 308; yêu cầu ông Đặng Công H chia thừa kế 1/7 giá trị các thửa đất số 272, 267, 253 và yêu cầu ông Đặng Công Đ chia thừa kế 1/7 giá trị các thửa đất số 261, 265, 271, 281, 310, 266. Tại phiên tòa bà L và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông T rút lại yêu cầu trên nhận thấy bản án sơ thẩm có thiếu sót, cụ thể: Đối với việc rút yêu cầu trong phần nhận định của bản án có ghi nhận: “Đình chỉ yêu cầu xét xử của bà L về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 253 do bà L rút lại yêu cầu khởi kiện và bà Đ, cháu T rút lại yêu cầu phản tố của ông T đối với thửa đất này. Trong quá trình thụ lý vụ án ông Đặng Công T có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Đặng Thị L chia thừa kế 1/7 giá trị thửa đất số 308; yêu cầu ông Đặng Công H chia thừa kế 1/7 giá trị các thửa đất số 272, 267, 253 và yêu cầu ông Đặng Công Đ chia thừa kế 1/7 giá trị các thửa đất số 261, 265, 271, 281, 310, 266. Tuy nhiên nay bà Đ và cháu T rút lại yêu cầu phản tố này. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố này của ông T (nay bà Đ, cháu T, cháu T1) là người kế thừa quyền nghĩa vụ”. Nhưng tại phần quyết định của bản án không nêu quan điểm chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc xin rút yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 253 và việc bà Đ và cháu T xin rút yêu cầu phản tố của ông T là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để, toàn diện vụ án về yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn vi phạm điểm c, khoản 2 điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung phần quyết định của bản án cho phù hợp và đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công H, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công Đ như sau:

Bà Đặng Thị L cho rằng các thửa đất 427, 428, 132 là đất hương hỏa của ông, bà bên chồng của bà Hồ Thị N3 để lại. Tuy nhiên tại các Công văn số 873/CNVPĐKĐĐ, ngày 22/9/2022 kèm theo bảng chuyển tọa độ các thửa đất và Công văn số 743/CNVPĐKĐĐ, ngày 22/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tài liệu thu thập thêm tại cấp phúc thẩm đủ cơ sở xác định thửa đất 427, 428 và 132 trước đây được cấp lần đầu cho bà Hồ Thị N3 vào ngày 20/10/1997, tương ứng là các thửa đất số 909, 923 và 786.

Về việc nguyên đơn cho rằng cấp đất cho hộ nên việc bà N3 tặng cho đất ảnh hưởng đến quyền lợi những người trong hộ: Căn cứ Công văn 873/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, ngày 22/9/2022 đã xác định năm 2003, các thửa đất 909, 923 và 786 là cấp đổi thành các thửa 254, 266 và 227 và do sai sót trong quá trình in ấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có chữ hộ chữ thực chất các thửa đất này cấp cho cá nhân bà N3 vào năm 1997. Hơn nữa, cùng 04/8/2008 Ủy ban nhân dân xã N còn chứng thực 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất khác của bà Hồ Thị N3 tặng cho quyền sử dụng đất cho 03 người còn khác là bà Đặng Thị L, ông Đặng Công Đ và ông Đặng Công H đối với những thửa đất còn lại (BL 120-125). Sau khi được tặng đất thì bà L, ông Đ, ông H đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được tặng cho, từ khi tặng cho đất đến

khi bà N3 chết, bà N3 cùng các con không có ý kiến tranh chấp gì. Khi ông T phản tố yêu cầu chia thừa kế tất cả các thửa đất mà bà N3 đã cho bà L, ông Đ, ông H đối với các đất mà bà N3 đã tặng cho vào ngày 04/8/2008 gồm thửa 308, 272, 267, 253, 261, 265, 271, 281, 310, 266 thì tại bản tường trình ngày 09/3/2021 bà L đã khai: “Thửa đất số 308 có nguồn gốc từ bà N3 cho ông H nay ông H đã bán lại cho bà L, thửa 272, 267 thì bà N3 cho ông H để thờ cúng 02 chú là liệt sỹ (những hài cốt mà bà L mang về cải táng trên thửa đất 427), còn các thửa 261, 265, 271, 281, 310, 266 bà N3 cho ông Đ để ông Đ thờ cúng bà mẹ Việt Nam anh hùng (Hài cốt mà bà L mang về cải táng trên thửa đất 427). Do đó việc bà L cho rằng đất không phải của bà N3 nên bà N3 không có quyền tặng cho là không có cơ sở chấp nhận. Kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công H, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công Đ không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công H, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công Đ. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà L, bà N, ông Đ, bà L2, ông H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 và 278, 279 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Đặng Thị L khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế tài sản” đối với ông Đặng Công T, ông T chết ngày 04/5/2021 nên bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984 và hai con chung là cháu Đặng Thu T, sinh năm 2004 và cháu Đặng Thảo T2, sinh năm 2010 (cháu T1 do bà Đ là người đại diện hợp pháp theo pháp luật) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H, bà Đặng Thị L1. Bà L, bà N, ông Đ, bà L2, ông H kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị đối với việc bà L rút yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 253 và bà Đ, cháu T rút yêu cầu phản tố của ông T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nêu quan điểm chấp nhận hay không chấp nhận là thiếu sót, chưa giải quyết toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo và kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị L và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H, thấy rằng:

[3.1] Bà Đặng Thị L cho rằng các thửa đất 427, 428, 132 là đất hương hỏa của ông, bà bên chồng của bà Hồ Thị N3 để lại. Tuy nhiên tại các Công văn số 873/CNVPĐKĐĐ, ngày 22/9/2022 kèm theo bảng chuyển tọa độ các thửa đất và

Công văn số 743/CNVPĐKĐĐ, ngày 22/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tài liệu thu thập thêm tại cấp phúc thẩm đủ cơ sở xác định thửa đất 427, 428 và 132 trước đây được cấp lần đầu cho bà Hồ Thị N3 vào ngày 20/10/1997, tương ứng là các thửa đất số 909, 923 và 786. Nguyên đơn cho rằng cấp đất cho hộ nên việc bà N3 tặng cho đất ảnh hưởng đến quyền lợi những người trong hộ. Tuy nhiên, căn cứ công văn số 873/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ngày 22/9/2022 đã xác định năm 2003, các thửa đất 909, 923 và 786 là cấp đổi thành các thửa 254, 266 và 227 và do sai sót trong quá trình in ấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có chữ hộ chứ thực chất các thửa đất này cấp cho cá nhân bà N3 vào năm 1997. Điều này phù hợp với các tài liệu mà Tòa án cấp phúc thẩm thu thập tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh “Danh sách những hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ngày 24/9/1997 của Ủy ban nhân dân xã N là cấp cho cá nhân bà Hồ Thị N3 08 thửa đất, diện tích 11.548m², phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Hồ Thị N3 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/10/1997 là 08 thửa đất.

[3.2.] Ngày 04/8/2008, bà Hồ Thị N3 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Công T đối với 03 thửa đất 254 (nay là thửa 427), thửa 309 (nay là thửa 132) và thửa 311 (nay là thửa 428), hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực. Ngoài ra cùng ngày 04/8/2008, Ủy ban nhân dân xã N còn chứng thực 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất khác của bà Hồ Thị N3 tặng cho 03 người con khác là bà Đặng Thị L, ông Đặng Công Đ và ông Đặng Công H đối với những thửa đất còn lại (BL 120-125). Sau khi được bà N3 tặng cho đất, bà L, ông Đ, ông H đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được tặng cho. Từ khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất đến khi bà Hồ Thị N3 chết, bà N3 cùng các con không có ý kiến tranh chấp gì đối với ông T. Do đó việc bà L cho rằng đất không phải của bà N3 nên bà N3 không có quyền tặng cho ông T là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Khi ông T phản tố yêu cầu chia thừa kế tất cả các thửa đất mà bà N3 đã cho bà L, ông Đ, ông H ngày 04/8/2008 gồm thửa 308, 272, 267, 253, 261, 265, 271, 281, 310, 266 thì tại bản tường trình ngày 09/3/2021 bà L khai: “Thửa đất số 308 có nguồn gốc từ bà N3 cho ông H nay ông H đã bán lại cho bà L; thửa 272, 267 thì bà N3 cho ông H để thờ cúng 02 chú là liệt sỹ (những hài cốt mà bà L mang về cải táng trên thửa đất 427); còn các thửa 261, 265, 271, 281, 310, 266 bà N3 cho ông Đ để ông Đ thờ cúng bà mẹ Việt Nam anh hùng (hài cốt mà bà L mang về cải táng trên thửa đất 427). Tại các biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 của Tòa án đối với ông Đặng Công H và ông Đặng Công Đ thì ông H và ông Đ trình bày là không có tranh chấp gì đối với các thửa đất số 427, 428, 132 của ông T. Tuy nhiên sau đó bà L nộp tiếp cho Tòa án các bản tự khai của ông H và ông Đ xin rút lại những lời khai ngày 27/4/2021. Đồng thời trong các văn bản này, ông H, ông Đ khẳng định lời khai của bà L chính là lời khai của các đương sự này. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ thời điểm năm 2008 khi bà N3 tặng cho đất thì đã giao nghĩa vụ cho ông H và ông Đ về việc thực hiện nghĩa vụ thờ cúng. Bà L còn cho rằng theo hợp đồng tặng cho thì ông T phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng bà N3 nhưng nội dung hợp đồng không thể hiện thỏa thuận này.

Hơn nữa tại bản tường trình ngày 13/01/2022 bà L trình bày khi bà N3 còn sống xảy ra mâu thuẫn với vợ chồng ông T nên ông T đã tự xây nhà khác trên thửa đất 427 để ở. Như vậy nếu vợ chồng ông T không chăm sóc bà N3 (nếu hợp đồng tặng cho có điều kiện) thì khi còn sống bà N3 có quyền khởi kiện ông T để đòi lại đất. Tại các biên bản hòa giải ngày 03/12/2020, ngày 07/4/2021 bà L đều trình bày khi biết ông T có ý định chuyển nhượng đất mới khởi kiện và có yêu cầu ông T chuyển nhượng lại cho bà L 250m² đất thuộc một phần thửa đất số 427, các phần đất khác thì chia thừa kế. Như vậy điều kiện buộc ông T thờ cúng ông, bà và phụng dưỡng bà N3, bà L không chứng minh được.

[3.4] Theo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 đối với các thửa đất nêu trên cho bà Hồ Thị N3 là cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 do đo đạc lập lại bản đồ địa chính mới. Tuy nhiên do sai sót trong quá trình in ấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 dẫn đến cấp nhầm thành hộ gia đình. Từ năm 1997 đến trước năm 2008 (thời điểm bà N3 tặng cho quyền sử dụng đất cho các con) bà N3 không yêu cầu điều chỉnh quyền sử dụng đất từ cá nhân thành hộ gia đình. Tại các Công văn số 873/CNVPĐKĐĐ, ngày 22/9/2022 kèm theo bảng chuyển tọa độ các thửa đất và Công văn số 743/CNVPĐKĐĐ ngày 22/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T xác định thửa đất 427, 428 và 132 trước đây được cấp lần đầu cho bà Hồ Thị N3 vào ngày 20/10/1997, tương ứng là các thửa đất số 909, 923 và 786. Đến năm 2003, các thửa đất 909, 923 và 786 được cấp đổi thành các thửa 254, 266 và 227 nhưng lại cấp là hộ bà Hồ Thị N3 là do có sự sai sót trong quá trình in ấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.5] Từ những phân tích và nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Tuy nhiên, do trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã tự ý mang các hài cốt của bà nội bà L tên Nguyễn Thị Lờ (là bà mẹ Việt Nam anh hùng), hài cốt ông nội tên Đặng Công Nở và 02 hài cốt của chú ruột bà L tên Đặng Văn Lũy và Đặng Văn Bôi (BL 79-82) về an táng trên thửa đất số 427. Thấy rằng, trên thửa đất số 427 có căn nhà đang dùng làm nơi thờ cúng bà N3, căn nhà này hiện nay bà N và ông B (con trai bà N) đang sinh sống. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đ giao 01 phần thửa đất số 427 với diện tích 232,3m² (trong đó bao gồm căn nhà, các khu mộ của bà Mẹ Việt Nam anh hùng, các liệt sỹ và mộ của ông T) cho bà L, bà N, ông H, ông Đ, bà L2 nhưng buộc Lan, bà N, ông H, ông Đ, bà L2 phải liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền cho bà Đ, cháu T và cháu T1 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá đã định, đơn giá đất thửa đất số 427 là 300.000đ/m², với diện tích 232,3m², trừ diện tích các khu mộ gồm: mộ (ký hiệu 7) diện tích 4,7m² (là mộ ông T) và mộ (ký hiệu 8) diện tích 10,92m² (là mộ của bà Mẹ Việt Nam anh hùng, các liệt sỹ) thành tiền là 216,68m² x 300.000 đồng = 65.004.000 đồng là phù hợp. Riêng phần mộ nhỏ ký hiệu (9) diện tích 2,8m² là nơi đặt hài cốt của các cháu bà L, phần diện tích này nằm lấn sang mặt tiền nhà của bà Đ. Tuy nhiên, bà L, bà Đ và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo phần này nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] Ngoài ra, bà L và các ông bà L2, H, N, Đ cho rằng Tòa án cấp sơ

thâm vi phạm về thẩm quyền xét xử; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện T phúc đáp văn bản cho Tòa án có sự mâu thuẫn; ông Đặng Công H bị bệnh tâm thần từ năm 2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận ủy quyền tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, bà L, bà L2, ông H, bà N, ông Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, thấy rằng:

[3.6.1] Trong vụ án, các ông bà L, L1, H, N, Đ còn có yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T đối với các thửa đất số 427, 428 và 312. Tuy nhiên, căn cứ Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng (các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai) là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Cho nên, khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng. Khi Tòa án tuyên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu thì Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án” nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.6.2] Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 31/12/2019 giữa người ủy quyền là ông Đặng Công H với người nhận ủy quyền là bà Đặng Thị L (có chữ ký và ghi họ tên ông H, bà L) gửi Ủy ban nhân dân xã N và Tòa án nhân dân huyện T, trang 2 có chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An có nội dung: “Ông Đặng Công H, giấy chứng minh nhân dân số 300814542 cấp ngày 18/6/2008, tại Công an Long An. Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi” (người có thẩm quyền chứng thực). Do đó, khi cần thiết Tòa án nhân dân huyện T tiến hành ghi lời khai ông H để làm rõ thêm các tình tiết liên quan đến vụ án là không vi phạm thủ tục tố tụng. Trong quá trình tố tụng, bà Đặng Thị L, vợ ông Đặng Công H là bà Đặng Thị Kim T3 cũng không có đơn đề nghị Trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với ông Đặng Công H. Do đó, kháng cáo của bà L và các ông bà L2, Hải, Nang, Đoàn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, thấy rằng: Tại phần nhận định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 235 do bà L rút yêu cầu khởi kiện và bà Đ, cháu T là người kế thừa quyền nghĩa vụ

tổ tụng của ông T rút yêu cầu phản tố của ông T yêu cầu bà Đặng Thị L chia thừa kế 1/7 giá trị thửa đất số 308; yêu cầu ông Đặng Công H chia thừa kế 1/7 giá trị các thửa đất số 272, 267, 253 và yêu cầu ông Đặng Công Đ chia thừa kế 1/7 giá trị các thửa đất số 261, 265, 271, 281, 310, 266. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm không ghi quyết định của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc xin rút yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 253 và việc bà Đ, cháu T xin rút yêu cầu phản tố của ông T là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để, toàn diện vụ án về yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; vi phạm điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ bổ sung trong phần quyết định của bản án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[5] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị L và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

[6] Lời trình bày của Luật sư Đoàn Thiện Đ là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị L không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Lời trình bày của Luật sư Mai Thanh T2 là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị L, ông Đặng Công Đ, bà Đặng Thị L1 phải chịu án phí theo quy định. Bà Đặng Thị N, ông Đặng Công H được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị L và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công H do bà Đặng Thị L đại diện theo ủy quyền.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2022/DS-ST ngày 20/10/2022 của Tòa án nhân huyện T.

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 217, 218, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị N3 đối với ông Đặng Công T do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 108, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 14/6/2008 đối với các thửa đất số 254 (nay là thửa 427), tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 928,2m²; thửa 331 (nay là thửa 428), tờ bản đồ số 4, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 665,9m² và thửa 309 (nay là thửa 132), tờ bản đồ số 03, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 1.938m². Cả 03 thửa đất đều tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 về buộc những người thừa kế của ông Đặng Công T (đã chết ngày 04/5/2021) là bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 chia thừa kế 03 thửa đất số đất số 427, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế là 928,2m²; thửa 428, tờ bản đồ số 4, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 665,9m² và thửa đất số 132, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế là 1.938m². Cả 03 thửa đất đều tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Công T (đã chết) là bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 giao phần đất thuộc 01 phần thửa đất số 427, diện tích 232,3m² cho bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1.

3.1. Bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H, bà Đặng Thị L1, bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để làm thủ tục điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng và diện tích đất thực tế sử dụng theo bản án đã tuyên theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.2. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

(Phần đất diện tích 232,3m² nêu trên thuộc một phần thửa đất số 427 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Vị trí và tứ cận phần đất được thể hiện theo Mạnh trích đo địa chính số 98-2022, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ký duyệt ngày 29/9/2022).

4. Buộc bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị N, ông Đặng Công Đ, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 giá trị quyền sử dụng đất là 65.004.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 253, diện tích 776,7m², loại đất LUC thuộc tờ bản đồ số 4 tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

7. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đặng Công T do bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T rút yêu cầu phản tố yêu cầu bà Đặng Thị L chia thừa kế 1/7 giá trị thừa đất số 308; yêu cầu ông Đặng Công H chia thừa kế 1/7 giá trị các thừa đất số 272, 267, 253 và yêu cầu ông Đặng Công Đ chia thừa kế 1/7 giá trị các thừa đất số 261, 265, 271, 281, 310, 266, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC tại Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

8. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp”. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

9. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đặng Thị L phải chịu 11.090.800 đồng, bà L đã nộp tạm ứng 8.090.800 đồng, bà Đ đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng. Buộc bà Đặng Thị L hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tính trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

10.1. Buộc bà Đặng Thị L, ông Đặng Công H và bà Đặng Thị L1 liên đới chịu 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 6.300.000 đồng (khấu trừ 650.000 đồng) theo biên lai số 0007177 ngày 25/12/2019 và 0007969 ngày 24/8/2022. Bà L2 đã nộp 4.114.000 đồng (khấu trừ 650.000 đồng) theo biên lai số 0006215, ngày 05/10/2022 và ông H đã nộp 4.114.000 đồng (khấu trừ 650.000 đồng) theo biên lai số 0006214 ngày 05/10/2022; tất cả các biên lai đều của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An. Hoàn trả số tiền chênh lệch còn thừa cho bà Đặng Thị L là 5.650.000 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); bà Đặng Thị L1 là 3.464.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), ông Đặng Công H là 3.464.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

10.2. Bà Đặng Thị N, ông Đặng Công H được miễn nộp án phí.

10.3. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ, cháu Đặng Thu T, cháu Đặng Thảo T2 số tiền tạm ứng án phí ông Đặng Công T đã nộp là 5.650.000 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004460 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

11. Về án phí dân sự phúc thẩm:

11.1. Bà Đặng Thị N, ông Đặng Công H được miễn nộp án phí.

11.2. Bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Công Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006285 ngày 09/11/2022; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L2 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006287 ngày 09/11/2022; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006286 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến